



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG NĂM BÁO CÁO 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- TÊN GIAO DỊCH: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG**
- TÊN VIẾT TẮT: **DNC**
- GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN SỐ: 0200155561 Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 10/09/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 12.
- VỐN ĐIỀU LỆ: **51.378.500.000 đồng** (Năm mươi một tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)
- VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: **51.378.500.000 đồng** (Năm mươi một tỷ ba trăm bảy mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)
- ĐỊA CHỈ: Số 34 đường Thiên Lô, quận Lê Chân - TP. Hải Phòng
- ĐIỆN THOẠI: (84-0225) 3.856.209
- FAX: (84-0225) 3.785.759
- WEBSITE: www.diennuochp.com.vn
- MÃ CHỨNG KHOÁN: **DNC** (Cổ phiếu phổ thông)

Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng trước đây là Công ty Điện nước lắp máy, tiền thân là Đội điện nước lắp máy có nhiệm vụ lắp đặt điện, nước cho các công trình.

Năm 2005 thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước của Đảng và Chính phủ, ngày 14 tháng 03, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 392/QĐ-UB phê duyệt phương án cổ phần hoá chuyển Công ty Điện nước lắp máy thành Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng.

Tại thời điểm 23/12/2009 công ty đã chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/10/2005 và thay đổi đăng ký lần thứ 12 vào ngày 10/09/2020, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

Hiện tại công ty hoạt động chủ yếu trong 03 lĩnh vực chính là:

- Truyền tải và phân phối bán lẻ điện
- Khai thác, xử lý và phân phối bán lẻ nước sạch
- Thi công xây lắp xây dựng các công trình điện, nước.
- Địa điểm hoạt động của Công ty gồm:

- TRỤ SỞ CÔNG TY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lô, quận Lê Chân, TP.Hải Phòng.

- XÍ NGHIỆP ĐIỆN AN DƯƠNG

Địa chỉ: Xã An Đồng, huyện An Dương, TP.Hải Phòng

- XÍ NGHIỆP ĐIỆN VĨNH BẢO

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

- XÍ NGHIỆP ĐIỆN THỦY NGUYÊN

Địa chỉ: Xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

- CHI NHÁNH HẠ LONG

Địa chỉ: ki- ốt C 238 khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

- CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ:Tầng 3 tòa nhà Minh Anh Plaza, số 76-80 phố Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

- CHI NHÁNH HƯNG YÊN

Địa chỉ:Tầng 1 tòa nhà A3 khu đô thị Thương Mại Du lịch Văn Giang Xã Xuân Quan huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng niêm yết, được chuyển đổi từ công ty Nhà nước sang công ty cổ phần tư nhân 100%.

Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị:

Ban Kiểm soát:

Ban Tổng Giám đốc:

Các Phòng Ban chức năng và các đơn vị trực thuộc:

- ✓ Các Phòng nghiệp vụ:
 - Phòng Kinh doanh: Thực hiện các hoạt động mua bán sản phẩm, dịch vụ đầu vào và quản lý, theo dõi các hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phát triển, mở rộng khách hàng và phạm vi cung cấp. Lập và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý Hành chính, Tổ chức, Lao động, Tiền lương.
 - Phòng kỹ thuật: Thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn về kỹ thuật, phối kết hợp cùng với các xí nghiệp điện và chi nhánh đảm bảo kỹ thuật về điện, an toàn điện và phòng chống quá tải, tổn thất điện năng...
 - Phòng Tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Các Xí nghiệp trực thuộc: Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc.
- ✓ Các chi nhánh hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc.
- ✓ Các Ban Quản lý điện và các Đội kỹ thuật, Đội xây dựng:

Định hướng phát triển

3.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2021

3.1.1. Các chỉ tiêu kinh tế:

TT	Chỉ tiêu	Sản lượng (KWh)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ lệ Tồn thất (%)
A	Tổng sản lượng, doanh thu	251.030.000	546.000	
I	Kinh doanh Điện	251.030.000	530.700	4,8%
1	XN điện An Dương	112.500.000	242.700	4,7%
2	XN điện Thủy Nguyên	47.300.000	94.000	6,5%
3	XN điện Vĩnh Bảo	43.000.000	82.000	5,2%
4	Chi nhánh Hạ Long	6.000.000	16.400	4,0%
5	Chi nhánh Hải Dương	2.300.000	5.600	3,0%
6	Chi nhánh Hưng Yên	39.930.000	90.000	2,5%
II	Kinh doanh nước	727.000	9.600	
1	Các khu đô thị - XN điện An Dương	522.500	5.995	
2	Chi nhánh Hạ Long	204.500	3.605	
III	Kinh doanh khác		5.700	
B	Lợi nhuận trước thuế	27.000 triệu đồng		
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.400 triệu đồng		
D	Lợi nhuận sau thuế	21.600 triệu đồng		
E	Tỷ lệ chia cổ tức	≥ 20%		
F	Lương bình quân	10.000.000 đồng/ng/th		

* Triển khai các dự án đầu tư:

1. Đầu tư bổ sung, nâng công suất các trạm biến áp:
 - Xây dựng mới 11 TBA với tổng công suất được đầu tư bổ sung là 5.680kVA, cụ thể: XN điện An Dương 05 TBA; XN điện Thủy Nguyên 03 TBA; XN điện Vĩnh Bảo 03 TBA.
 - Nâng công suất 03 TBA tại xã An Đồng và 01 TBA xã Hồng Thái là tài sản của Công ty với tổng công suất tăng thêm đạt 890kVA. Kết hợp Điện lực nâng công suất 04 TBA tại xã An Lư và Hòa Bình huyện Thủy Nguyên với tổng công suất tăng thêm đạt 1.480kVA.

2. Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây hạ thế, tập trung chủ yếu vào các xã có phụ tải sử dụng điện tăng nhanh tại 3 huyện An Dương, Vĩnh Bảo, Thủy Nguyên với số lượng dự kiến đạt 25.000 mét.
3. Thay thế, kiểm định lại hệ thống công tơ: 15.220 cái
 - XN điện An Dương: 9.100 cái. Trong đó: 900 công tơ 3 pha, 8.200 công tơ 1 pha.
 - XN điện Thủy Nguyên: 220 công tơ 1 pha và 3 pha.
 - XN điện Vĩnh Bảo: 5.900 công tơ 1 pha và 3 pha.
4. Phát triển khách hàng mới:
 - Tìm kiếm thị trường phát triển kinh doanh điện, nước tại các khu đô thị mới.
 - Lắp phát sinh cho các hộ đăng ký sử dụng điện, nước: 2.150 khách hàng.
5. Mua 01 căn hộ chung cư phục vụ cán bộ CNV công tác tại chi nhánh CN Hưng Yên.
6. Tiếp tục triển khai xây dựng văn phòng quản lý điện tại xã Vinh Quang thuộc huyện Vĩnh Bảo.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn (2021-2025)

3.2.1. Mục tiêu

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát huy tối ưu nguồn lực sẵn có để duy trì và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 10 - 15%.
- Tập trung củng cố, phát triển lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đó là lĩnh vực kinh doanh điện, nước. Đầu tư cải tạo, ổn định hệ thống lưới điện, nước phát triển mở rộng thị trường kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
 - Thực hiện các biện pháp nhằm tiếp tục giảm tỷ lệ tổn thất điện năng, thực hiện các chương trình tiết kiệm trong quản lý, phân phối và bán lẻ điện.
 - Đảm bảo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.
- Đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn kinh doanh.

3.2.2. Các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Vốn điều lệ	51,4	66,8	66,8	86,8	86,8
2. Doanh thu	546,0	650,0	767,0	915,0	1.100,0
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	27,0	31,0	35,0	39,5	44,0
4. Lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	10,0	10,8	11,7	12,6	13,6
5. Tỷ lệ trả cổ tức	≥20%	≥20%	≥20%	≥20%	≥20%

3.2.3. Kế hoạch triển khai các dự án đầu tư.

1. Phát triển thị trường kinh doanh điện, nước, phát triển khách hàng tại các địa bàn của thành phố và các thành phố lân cận.
2. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại số 34 - Đường Thiên Lôi, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng:

3.2.4. Các rủi ro

Rủi ro về kinh tế

Thực trạng nền kinh tế và xu hướng chung trong tương lai có ảnh hưởng đến sự thành công và chiến lược hoạt động của một doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn có tốc độ tăng trưởng cao tạo nhiều cơ hội cho đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Rủi ro đặc thù

Nguyên vật liệu chính của sản phẩm dây cáp điện là kim loại đồng và nhôm. Sự biến động của giá đồng, nhôm trên thế giới ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty hiện nay là: Kinh doanh điện, nước, xây dựng, xây lắp các công trình điện, nước của Công ty

Cơ cấu tổ chức lao động hiện nay do đặc thù kinh doanh Công ty bố trí, sắp xếp lại các đơn vị, bố trí lại cán bộ. Các đơn vị trong Công ty bao gồm 3 xí nghiệp điện, 03 Chi nhánh, phòng kinh doanh, phòng kỹ thuật, phòng kế toán với số lao động hiện nay 130 người.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu bán hàng: 396.381.056.674 đ
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 22.578.197.565 đ
- Lợi nhuận khác: 3.033.524.403 đ
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 26.611.721.968 đ

Các chỉ tiêu so với kế hoạch đều đạt chỉ tiêu.

+ Chỉ tiêu về lợi nhuận vượt kế hoạch đặt ra.

+ Sản lượng điện tiêu thụ năm 2020 đạt 187 triệu KWh, tăng so với 2019 là 112%.

+ Doanh thu đạt 396.381.056.674 đ tăng 111% so với năm 2019.

Có được kết quả trên là do sự lãnh đạo đúng hướng của HĐQT, ban giám đốc và của tập thể cán bộ CNV Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban điều hành

+ Tổng giám đốc: Đỗ Huy Đạt - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 1.275.853 CP

+ Phó tổng giám đốc - Kế toán trưởng: Lê Hữu Cảnh - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 637.475 CP

+ Phó tổng giám đốc: Nguyễn Văn Thao số cổ phần nắm giữ: 62.528 CP

2.2 Số lượng lao động và chính sách với người lao động

+ Số lượng cán bộ công nhân viên: 130 người trong đó:

Trình độ đại học và trên đại học: 52 người

Cao đẳng, trung cấp: 15 người

Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông: 63 người

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động luôn được thực hiện tốt:

Công ty thực hiện chi trả tiền lương, thưởng kịp thời đúng chế độ. Tất cả lao động của Công ty đều được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định của Nhà Nước.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động cũng được chú trọng thực hiện trong năm 2020 bằng 04 buổi học về văn hóa và kỹ thuật, thuê giảng viên về giảng dạy trực tiếp cấp chứng chỉ cho các nhân viên. Hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty và tổ chức các hội nghị biểu dương con em cán bộ CNV có thành tích xuất sắc trong học tập, các chương trình tham quan du lịch hè đều được tổ chức.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Thực hiện đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hệ thống tài sản.

3.1.1. Đầu tư hệ thống lưới điện:

Trong năm 2020, Công ty đầu tư xây dựng bổ sung trạm biến áp, thay thế, bổ sung đường trục hạ thế đảm bảo chất lượng điện phục vụ khách hàng. Tổng nguồn vốn đã thực hiện trên 10 tỷ đồng. Tổng công suất sử dụng tăng là 4.050 KVA, Trong đó:

a) Xây dựng mới 6 TBA tại các huyện: An Dương 01 trạm, Vĩnh Bảo 03 trạm, Thủy Nguyên 02 trạm.

b) Nâng công suất 07 TBA: huyện An Dương 01 trạm, huyện Vĩnh Bảo 06 trạm.

3.1.2. Đầu tư xây dựng hệ thống điện hạ thế, nâng cấp, san tải hệ thống đường trục tại các trạm biến áp, cấp điện ổn định cho các hộ sử dụng trên địa bàn 17 xã:

3.1.3. Lắp phát sinh, thay định kỳ công tơ:

- Trong năm, Công ty đã ký hợp đồng cung cấp điện, nước kịp thời phục vụ nhu cầu sử dụng của khách hàng. Số lượng khách hàng mới tăng thêm: 3.622 hộ.

- Thực hiện thay thế, kiểm định số lượng công tơ đo đếm điện 9.418 cái. Đến thời điểm này, 100% số lượng công tơ trên lưới đã được kiểm định lại toàn bộ.

3.1.4. Đầu tư xây dựng, sửa chữa văn phòng các đơn vị:

- Mở rộng nhà ăn ca, nhà xe tại Trụ sở Công ty phục vụ nấu ca cho khối Văn phòng Công ty.

- Sửa chữa Văn phòng BQL xã Hồng Thái.

- Triển khai xây dựng Văn phòng BQL xã Thắng Thủy, dự kiến hoàn thành trước Tết nguyên đán.

3.2. Mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh điện, nước:

- Khu nhà ở Việt Phát

- Khu nhà ở Làng Việt Kiều quốc tế
- Khu đô thị Ecoriver Hải Dương
- Khu đô thị Ecopark Hưng Yên

3.3. Tổng số tài sản lưới điện, bao gồm:

- Số lượng 286 trạm biếp áp với tổng công suất TBA: 177.500kVA. Trong đó 64 TBA là tài sản Công ty đầu tư, 112 TBA tiếp nhận từ các dự án và 101 TBA là tài sản của các Điện lực.

3.4. Số khách hàng sử dụng điện, nước : 62.979 KH.

4. Tình hình tài chính.

4.1. Tình hình tài chính

Theo số liệu Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2019 và 2020 đã được kiểm toán, tình hình Tài chính của Công ty thể hiện như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị Tài sản	82.833	97.198	117%
2	Doanh thu thuần	357.735	396.381	111%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	21.452	22.578	105%
4	Lợi nhuận khác	4.658	3.034	65%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	26.109	25.611	98%
6	Lợi nhuận sau thuế	20.643	20.401	99%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	20%	20%	

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,94	1,81
	Hệ số thanh toán nhanh	1,27	1,19
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	29%	29,3%

	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	41%	41,4%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay vốn lưu động	7,67	7,72
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4,32	4.08
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,77%	5,15%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	35,09%	29,68%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	24,92%	20,99%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần.	6,0%	5,7%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ đầu tư của chủ sở hữu

a) cổ phần

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 5.137.850 cổ phần
- Tổng số cổ phần phổ thông: 5.137.850 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 06/01/2020 cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng số cổ đông	143	5.137.850	100%
2	- Cổ đông lớn	4	2.269.897	44%
3	- Cổ đông trong nước	129	5.081.717	98,9%
4	- Cổ đông nước ngoài	5	4.627	0,09%
5	- Cổ đông tổ chức trong nước	4	25.316	0,49%
6	- Cổ đông tổ chức nước ngoài	5	30.817	0,6%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2020 vẫn còn nhiều khó khăn do khách quan của nền kinh tế nhưng Công ty cũng đã thực hiện được những mục tiêu chiến lược đã đề ra đảm bảo mức tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông.

Người lao động có việc làm ổn định, đời sống được nâng lên, nội bộ công ty luôn giữ tinh thần đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ nhau trong công tác.

Công tác kinh doanh điện mang lại lợi nhuận cao, giảm tỷ lệ tổn thất điện năng.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, được sự ủng hộ nhiệt tình của các cấp chính quyền địa phương và đặc biệt là sự tin tưởng ủng hộ của nhân dân trên địa bàn công ty kinh doanh.

Thị trường ngày càng mở rộng, tiếp nhận thêm dự án tại các tỉnh ngoài lân cận, đầu tư lưới điện nông thôn mở rộng địa bàn kinh doanh phát triển dài hạn cho những năm tiếp theo.

2. Tình hình tài chính

2.1 Phân tích tình hình tài sản

Năm 2020 tình hình Tài chính của Công ty rất ổn định, Trong năm tài chính năm 2020 Công ty không phát sinh nợ xấu.

2.2 Phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán

Với tính chất và ngành nghề Kinh doanh ổn định vì vậy Khả năng sinh lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là tốt, năm sau cao hơn năm trước.

Khả năng thanh toán nhanh và rất được đảm bảo.

Năm 2020 đạt chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đề ra, tạo việc làm ổn định và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty về hoạt động của ban giám đốc Công ty

- Thực hiện nghiêm các quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo Pháp luật và Điều Lệ Công ty. Chấp hành đầy đủ mọi qui định yêu cầu về quản trị Công ty và công

bổ thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cơ quan chức năng.

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đầy đủ hoạt động của Ban tổng giám đốc trong công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch trung hạn, kế hoạch SXKD hàng năm để đảm bảo các quyết định về hoạt động Công ty tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như qui định pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã nghiêm túc xem xét từng vấn đề và yêu cầu Ban điều hành phải chủ động tích cực mở rộng quan hệ tìm kiếm thị trường mở rộng 3 địa bàn hoạt động kinh doanh điện trong thành phố Hải Phòng, 02 khu dự án Ecopark tại Hải Dương và Hưng Yên, xây dựng các biện pháp quản lý phù hợp với mô hình kinh doanh, kiểm soát chặt các khoản mục chi phí... nâng cao trách nhiệm và khả năng quản lý đạt hiệu quả và an toàn sản xuất.

- Năm 2020 hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đề ra, tạo việc làm ổn định và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

Để thực hiện và hoàn thành những chỉ tiêu cơ bản năm 2021, HĐQT đưa ra định hướng hoạt động và giám sát cụ thể:

- Không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT, ban Tổng giám đốc trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tạo điều kiện và phát huy tối đa năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý điều hành.

- HĐQT giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt và các cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học trong và ngoài Công ty. Áp dụng những phương pháp quản trị hiện đại; thực hiện tốt việc giám sát và chỉ đạo đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Cam kết bảo toàn, phát triển vốn và đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và mô hình quản lý của Công ty, phân cấp cụ thể đối với từng bộ phận và cá nhân nhằm nâng cao vai trò chủ động, phát huy tối đa mọi nguồn lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường sự kiểm tra, giám sát các hoạt động của từng bộ phận để phân tích, đánh giá kết quả thực hiện, tìm biện pháp xử lý và xây dựng phương án sản xuất kinh doanh từng tháng, quý, năm sát với thực tiễn.

- Thất chặt các biện pháp quản lý để kiểm soát các khoản mục chi phí ở mức tiết kiệm nhất.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1) Ông Nguyễn Trung Kiên – Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trung Kiên sinh năm 1961. Thạc sỹ Kinh tế

Hiện nay ông Nguyễn Trung Kiên là Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty CP Điện nước lắp máy Hải Phòng. Tổng giám đốc Công ty cổ phần Điện nước Hạ Long.

Ông sở hữu 1.277.535 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

2) Ông Đỗ Huy Đạt – Ủy viên Hội đồng quản trị.

Ông Đỗ Huy Đạt sinh năm 1958. Kỹ sư địa chất công trình, cử nhân kinh tế.

Ông đã từng giữ các chức vụ Phó giám đốc Công ty Xây dựng và đầu tư hạ tầng HP từ năm 1998 – 2003. Phó giám đốc điều hành Công ty Điện nước lắp máy Hải Phòng từ năm 2004 – 2005.

Hiện nay ông là Tổng giám đốc công ty và thành viên Hội đồng quản trị công ty.

Ông sở hữu 1.275.853 cổ phiếu DNC.

3) Ông Lê Hữu Cảnh – Ủy viên Hội đồng quản trị.

Ông Lê Hữu Cảnh sinh năm 1964. Với trình độ Kỹ sư kinh tế ông đã trải qua nhiều chức vụ kế toán trưởng, phó tổng giám đốc công ty.

Hiện nay ông Lê Hữu Cảnh đảm nhận chức vụ Phó tổng giám đốc công ty, kế toán trưởng ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty CP điện nước lắp máy Hải phòng.

Ông sở hữu 637.475 cổ phiếu DNC.

4) Bà Vũ Thị Lương Dung - Ủy viên hội đồng quản trị.

Bà Vũ Thị Lương Dung sinh năm 1975 là Thạc sỹ Kinh tế, đã từng giữ chức phó giám đốc xí nghiệp Xây dựng, Phó phòng kinh doanh.

Hiện nay là Giám đốc kinh doanh , ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP điện nước lắp máy Hải Phòng,

Bà sở hữu 170.672 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

5) Bà Lại Thị Vinh –Ủy viên hội đồng quản trị.

Bà Lại Thị Vinh sinh năm 1965 là Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Kế toán trưởng, đã từng giữ chức chuyên viên CNK Chi nhánh Tổng Công ty Da giày Việt Nam tại Hải Phòng; chuyên viên kinh doanh, Phó phòng Kinh doanh Công ty Liên doanh Gia công thép VINANIC; Phó giám đốc Chi nhánh Công ty Kim khí Hà Nội tại Hải Phòng; Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV kinh doanh dầu khí Việt Hải.

Hiện nay bà là Trưởng ban kiểm soát Công ty CP tư vấn thiết kế và giám định Sao Việt, Kế toán trưởng Công ty CP vận tải Biển Bắc, ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP điện nước lắp máy Hải Phòng.

Bà sở hữu 39.098 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

* Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2020 Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 phiên họp với các thành viên HĐQT, ban Tổng giám đốc, Đại diện ban kiểm soát để triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với các nội dung cụ thể như sau:

1.1 Phiên họp lần thứ I (ngày 08/4/2020) nhằm đánh giá kết quả SXKD quý I và thông qua kế hoạch SXKD quý II/2020 với các nội dung:

HĐQT ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực của toàn thể CBCNV, sự điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty trong quý I năm 2020 với những kết quả SXKD:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 80.073 triệu đồng

+ Tỷ lệ tổn thất điện năng : 5,4%

+ Lợi nhuận trước thuế: 3.600 triệu đồng

a) Kết quả SXKD qua công tác quản lý vận hành, đầu tư cụ thể như sau:

- Xây dựng và san tải xong TBA: Nhu Kiều 3; Hai Giỏ; Hà Phương 3.
- Nâng công suất TBA Đồng Thái từ 320KVA - 400 KVA
- Kéo bổ sung, phát triển dây đường trục. Tổng số dây =20.877 m
- Thi công thay thế các cột điện không đảm bảo an toàn = 42 cột

- Thay Công tơ định kỳ là: 1.390 (3 fa= 192; 1 fa= 1.198)
- Lắp phát sinh là: 584 khách hàng (3fa= 51; 1 fa=533)
- Thống nhất với CCIS về cách tính hóa đơn và các biểu mẫu
- Nhận bàn giao khu Làng Việt kiều quốc tế; khu nhà ở Quân khu 3.
- Xin đất xây dựng văn phòng quản lý điện Tam Đa, Thăng Thủy
- Hoàn thiện nhà văn phòng quản lý điện xã Vĩnh Long.
- Kiểm tra toàn bộ MBA, máy cắt trung thế và trạm cắt trung tâm, tách mạch các tủ phân phối chưa có phụ tải, cấp nguồn hạ thế từ TBA số 2 sang TBA số 3, cắt 02 máy biến áp TBA số 3 và số 5 ra khỏi lưới khu 5 châu 4 biển - Hạ Long
- Tiếp nhận 2 trạm Biến áp HD14 và HD14.01- khu đô thị Ecoriver Hải Dương

b) Thông qua kế hoạch SXKD quý 2 năm 2020.

- Kinh doanh điện: 93.491 triệu đồng
- Kinh doanh nước sạch: 1.590 triệu đồng
- Tỷ lệ tổn thất điện năng: 5,3%
- Khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng 05 trạm biến áp:
- Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp 5.000 m hệ thống đường dây hạ thế.
- Kết thúc phần mềm chuyển sang giai đoạn vận hành, bảo trì bảo dưỡng.
- Tìm kiếm thị trường phát triển kinh doanh điện, nước tại các khu đô thị mới.
- Triển khai xây dựng văn phòng XN điện Thủy Nguyên, Vinh Quang.
- Hoàn thiện các thủ tục xin mặt bằng làm văn phòng tại xã Thăng Thủy.

1.2 Phiên họp lần thứ II (ngày 31/7/2020) nhằm đánh giá kết quả SXKD Quý II/ 6 tháng đầu năm và thông qua kế hoạch SXKD quý III với các nội dung:

HĐQT ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực của toàn thể CBCNV, sự điều hành của Ban tổng giám đốc Công ty trong quý II năm 2020 với những kết quả SXKD:

- + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : 172.979 triệu đồng
- + Tỷ lệ tổn thất điện năng Công ty: 5,4%
- + Lợi nhuận trước thuế: 9.000 triệu đồng

a) Kết quả SXKD qua công tác quản lý vận hành, đầu tư cụ thể như sau:

- Đầu tư mới 06 TBA, Tổng công suất **tăng thêm 2.940kVA**.
- Đưa vào sử dụng 2 máy biến áp của TBA Hoàng Huy 1+2 (**1.380kVA**)
- Tiếp nhận 2 TBA Kiều Đông 5+6 của xã Hồng Thái (**320kVA**).
- Lắp phát sinh trong 6 tháng là: **1.292** hộ, trong đó:
- Thay công tơ định kỳ 6 tháng là: **4.404** công tơ
- Kéo **12.000 mét** cáp bổ sung đường trục, phát triển các đường nhánh, ngõ,
- Ban hành Quy trình an toàn điện; quy trình vận hành TBA; quy trình vận hành, kiểm tra và bảo dưỡng, sửa chữa đường dây trung áp.
- Khu dự án ECOPARK Hải Dương với hệ thống lưới điện gồm 06 TBA tổng công suất 5.850kVA và đến nay có 232 khách hàng đang sử dụng điện.
- Thi công xây dựng văn phòng tại xã Thắng Thủy; quyết toán công trình Tam Đa.

b) Kế hoạch SXKD quý III.

- Kinh doanh điện:	120.493 triệu đồng
- Kinh doanh nước sạch:	1.976 triệu đồng
- Tỷ lệ tổn thất điện năng Công ty:	5,3%

1. Công tác đầu tư, cải tạo, sửa chữa hệ thống lưới điện, nước:

- Thực hiện tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.
- Phát hành mẫu HĐ điện tử mới và sử dụng từ kỳ hóa đơn tháng 8/2020 toàn Công ty.
- Đóng điện các TBA: Xích Thổ 2, Mát Rồng 3, Láng Cáp 2, Vinh Quang 8, Tam Đa 7
- Khảo sát, triển khai xây dựng TBA Vũ Yên 2; sửa chữa TBA Con Xà.
- Kéo bổ sung dây đường trục chống quá tải, nâng cấp đường dây hạ thế phục vụ san tải các TBA. Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống lưới điện, máy biến áp.
- Thay định kỳ: 1.800 công tơ.
- Lập kế hoạch khắc phục các TBA có tổn thất cao toàn Công ty.
- Kiểm tra, phát quang hành lang lưới điện, tiếp địa đảm bảo lưới điện hoạt động ổn định, an toàn mùa mưa bão.
- Tổ chức đào tạo và huấn luyện cho NV đội Đường dây và trạm; công nhân điện trực tiếp về các quy trình kỹ thuật và an toàn.

2. Một số nội dung khác

- Thành lập và bố trí nhân sự cho chi nhánh Ecopark Hưng Yên.
- Quyết định hủy ngày hội gia đình DNC; hủy lễ Khai trương CN Ecopark Hải Dương vào ngày 15/8/2020 do dịch COVID 19.
- HĐQT nhất trí trả cổ tức đợt 1 năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 10% vào tháng 10 năm 2020.
- HĐQT nhất trí bổ nhiệm bà Vũ Thị Lương Dung thành viên HĐQT, thư ký, người phụ trách thông tin là người phụ trách quản trị Công ty.

1.3 Phiên họp lần thứ III (ngày 27/8/2020)

I) Thảo luận xây dựng mô hình tổ chức và quy chế hoạt động của Công ty phù hợp với luật pháp hiện hành, tinh giản gọn nhẹ, hiệu quả trên cơ sở:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 Luật chứng khoán
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2007
- Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019
- Thông tư 66/2020/TT-BCT ban hành quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ

Sau khi nghiên cứu thảo luận, HĐQT nhất trí:

- Mô hình công ty gồm 10 đầu mối:
 - + 03 Phòng ban: phòng Kinh doanh; phòng Kế toán; Phòng Kỹ thuật An toàn.
 - + 03 Xí nghiệp điện: XN An Dương; XN Vĩnh Bảo; XN Thủy Nguyên.
 - + 03 Chi nhánh: CN Hạ Long; CN Hải Dương; CN Hưng yên.
 - + 01 Công ty liên kết: Công ty cổ phần Điện nước Hạ Long.
- HĐQT thống nhất mô hình: ĐHĐCĐ, HĐQT, Tổng giám đốc, ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT thay thế cho BKS
- Lập ban soạn thảo sửa đổi Điều lệ trên cơ sở các quy định mới được nêu ở trên, theo đó thêm nội dung HĐQT và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT.

1.4 Phiên họp lần thứ IV (ngày 06/11/2020) nhằm xem xét, đánh giá tình hình SXKD quý 3, quý 4 năm 2020 và thông qua kế hoạch SXKD năm 2021

a) Kết quả SXKD cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội Dung	Thực hiện 9 Tháng	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	306.921	435.000	71%
1.1	Doanh thu kinh doanh điện	295.026	419.000	70%
1.2	Doanh thu kinh doanh nước	5.687	8.500	67%
1.3	Doanh thu khác	6.208	7.500	83%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	19.881	26.700	74%

- Lắp phát sinh: 598 khách hàng.
- Thay định kỳ 1.530 công tơ
- Thành lập Chi nhánh Ecopark Hưng Yên, hoàn chỉnh bộ máy và các thủ tục liên quan.
- Cung cấp dịch vụ QLVH hệ thống điện, nước tại Khu Phố cổ Sun World Hạ Long.
- Hoàn thành công trình: Đường dây rẽ nhánh 35KV và chiếu sáng KCN Hoàn Bò.
- Nghiệm thu đóng điện TBA 400KVA - Khu CN Hoàn Bò.

b) Các công việc cần thực hiện quý 4.

- Từng bước tiếp nhận, chuyển giao công tác quản lý vận hành hệ thống điện tại khu đô thị Ecopark Hưng yên.
- Hoàn tất các thủ tục, giấy phép, bằng cấp chứng chỉ liên quan để chi nhánh Ecopark Hưng yên bắt đầu hoạt động đầu năm 2021.
- Tổ chức đánh giá, kiểm tra sát hạch tay nghề CB CNV làm điều kiện bổ nhiệm, nâng lương và điều chỉnh lương năm 2021.
- Thi công xây dựng TBA Vũ Yên 2 + Vũ Yên 3
- Thay định kỳ: 3.928 công tơ
- Tiếp nhận hệ thống nước, quyết toán công trình đã thi công tại KCN Hoàn Bò.
- Bố trí nguồn để trả cổ tức đợt 2 năm 2020 vào tháng 2/2021 là 10%.

c) Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021

- Doanh thu: 546 tỷ đồng
- Sản lượng: 251.030.000 Kwh
- Tồn thất: 4,8%
- Lợi nhuận trước thuế: 27 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: > hoặc bằng 20%
- Thu nhập bình quân: 10 triệu đồng/người/tháng.

Kế hoạch nguồn vốn đầu tư: Dự kiến 15,5 tỷ đồng trong đó:

- + Xây dựng bổ xung 10 trạm biến áp tại các xã: 7,7 tỷ đồng.
- + Nâng công suất các 03 TBA của Công ty và 04 TBA của điện lực: 800 triệu.
- + Bổ xung, cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế: 2,5 tỷ đồng.
- + Thay định kỳ, mua sắm công tơ điện, nước: 2,5 tỷ đồng.
- + Xây dựng văn phòng XN điện Thủy Nguyên tại xã Lập Lễ: 02 tỷ đồng.
- Thành lập mới HĐ tiền lương, sắp xếp lại lao động các phòng ban, xí nghiệp.
- Sắp xếp lại Ban Tổng giám đốc, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các trưởng, phó ban.
- Dự kiến ngày ĐHĐCĐ là ngày 03/4/2021.
- Nhất trí mô hình: Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Tổng giám đốc, UB kiểm toán trực thuộc HĐQT.
- Các thành viên HĐQT có thành viên độc lập và thành viên không điều hành.
- Giao các thành viên nghiên cứu các tài liệu để sửa đổi Điều lệ theo mô hình mới.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban	17.050 CP chiếm 0,33%
2	Lâm Thị Lịch	Thành viên	0 CP chiếm 0 %
3	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên - thư ký	808 CP chiếm 0,02 %

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

*** Đánh giá chung hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát theo đúng quyền và nghĩa vụ của mình thông qua các hoạt động chính sau đây:

+ Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020.

+ Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT năm 2020.

+ Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh giữa niên độ và cả năm 2020.

+ Xem xét việc thực hiện các dự án đầu tư;

***Năm 2020 Ban kiểm soát tổ chức 2 cuộc họp:**

1. Ngày 15/03/2020 Ban kiểm soát đã họp và thống nhất với các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019
2. Kết quả giám sát đối với HĐQT,
3. Kết quả giám sát Ban TGD, Cán bộ quản lý
4. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty
5. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD và Cổ đông
6. Một số nhận xét và kiến nghị
7. Kế hoạch làm việc của BKS năm 2020.

2. Ngày 16/08/2020 Ban kiểm soát đã họp và thống nhất với các nội dung sau

1. Hoạt động của Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm 2020;
2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, BTGD, Cán bộ quản lý;
3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm 2020;
4. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD và Cổ đông;
5. Một số nhận xét và kiến nghị.

***Kết quả của các cuộc họp của ban kiểm soát:**

Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều diễn ra tại trụ sở của Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng. Các thành viên của Ban kiểm soát đã tích cực nghiên cứu, trao đổi, thảo luận và thống nhất các nội dung của cuộc họp.

Kết thúc cuộc họp đều lập thành biên bản; ý kiến tán thành 3/3 chiếm tỷ lệ 100%.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, Thưởng, Thù lao
1	Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	648.185.000
2	Đỗ Huy Đạt	Ủy viên HĐQT- Tổng GĐ	1.040.775.077
3	Lê Hữu Cảnh	Ủy viên HĐQT- Phó TGD	815.635.384
4	Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên HĐQT- Giám đốc KD	573.409.230
5	Lại Thị Vinh	Ủy viên HĐQT	126.500.000
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban kiểm soát	314.392.576
7	Lâm Thị Lịch	Thành viên Ban Kiểm soát	84.500.000
8	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	84.500.000
9	Nguyễn Văn Thao	Phó TGD Công ty	629.443.499
	Tổng		4.317.340.766

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: có

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Để từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý, quản trị Công ty:

- + Xây dựng, ban hành các hệ thống quản lý, rà soát, bổ sung những nội dung của Quy định, quy chế không còn phù hợp.
- + Giám sát chặt chẽ, kịp thời thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh
- + Các giải pháp, biện pháp để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh và hoàn thiện các mặt chưa đạt, còn thiếu và yếu.
- + Chấp hành theo các Quy định của Nhà nước.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.360.608.819	46.623.538.227
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	22.833.025.727	4.044.995.875
1. Tiền	111		22.833.025.727	4.044.995.875
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.995.946.672	34.375.300.102
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	4.724.627.348	7.335.905.808
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	4.712.928.227	4.811.195.344
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	100.000.000	16.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.908.530.873	6.678.338.726
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(450.139.776)	(450.139.776)
III. Hàng tồn kho	140	10	7.945.248.316	7.886.387.181
1. Hàng tồn kho	141		7.945.248.316	7.886.387.181
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.586.388.104	316.855.069
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.586.388.104	316.855.069
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.837.444.354	36.209.698.845
I. Tài sản cố định	220		35.593.727.454	29.901.216.154
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	35.099.727.454	29.901.216.154
- Nguyên giá	222		89.615.293.725	79.411.711.643
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.515.566.271)	(49.510.495.489)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	494.000.000	-
- Nguyên giá	228		570.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(76.000.000)	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	4.905.448.004	4.530.543.915
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.905.448.004	4.530.543.915
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	3.933.690.061	500.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	500.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(66.309.939)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.404.578.835	1.277.938.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.404.578.835	1.277.938.776
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		97.198.053.173	82.833.237.072

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		28.451.851.990	24.010.138.071
I. Nợ ngắn hạn	310		28.451.851.990	24.010.138.071
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16		
			3.604.926.562	4.436.354.052
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17		
			2.256.516.568	157.584.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18		
			2.404.730.179	1.932.792.709
4. Phải trả người lao động	314			
			579.220.505	379.265.971
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19		
			2.469.039.180	3.510.761.399
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20		
			2.751.759.309	3.657.662.079
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21		
			12.590.000.000	9.160.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
			1.795.659.687	775.717.362
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		68.746.201.183	58.823.099.001
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	68.746.201.183	58.823.099.001
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
			51.378.500.000	41.103.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		51.378.500.000	41.103.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
			(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418			
			557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
			713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
			16.146.473.989	16.498.671.807
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		882.964.169	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		15.263.509.820	16.498.671.807
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		97.198.053.173	82.833.237.072

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		396.381.056.674	357.734.976.119
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	396.381.056.674	357.734.976.119
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	24	360.416.321.005	324.913.999.764
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		35.964.735.669	32.820.976.355
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.059.330.270	1.123.674.738
7. Chi phí tài chính	22	26	971.624.495	537.436.617
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		905.314.556	537.436.617
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	13.474.243.879	11.955.257.758
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		22.578.197.565	21.451.956.718
10. Thu nhập khác	31	29	3.066.272.031	5.389.967.701
11. Chi phí khác	32		32.747.628	732.293.635
12. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.033.524.403	4.657.674.066
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.611.721.968	26.109.630.784
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	5.210.362.148	5.466.548.068
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		20.401.359.820	20.643.082.716
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	4.669	4.715

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị : VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.611.721.968	26.109.630.784
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.085.819.139	5.653.802.492
- Các khoản dự phòng	03	66.309.939	450.139.776
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.059.330.270)	(5.090.348.491)
- Chi phí lãi vay	06	905.314.556	537.436.617
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(194.682.655)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.415.152.677	27.660.661.178
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	(926.434.118)	(2.568.823.239)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(58.861.135)	914.463.517
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	650.670.463	(4.163.536.456)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(1.396.173.094)	659.602.908
- Tiền lãi vay đã trả	14	(905.314.556)	(537.436.617)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.754.928.561)	(5.197.869.973)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(210.145.313)	(191.010.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.813.966.363	16.576.051.002
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.072.884.329)	(9.528.129.711)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	1.507.090.910
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(22.100.000.000)	(16.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	38.000.000.000	1.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.500.000.000)	(500.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.465.117.818	1.634.827.314

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	1.792.233.489	(21.586.211.487)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	63.190.000.000	51.860.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(59.760.000.000)	(47.820.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.248.170.000)	(12.330.960.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(5.818.170.000)	(8.290.960.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	18.788.029.852	(13.301.120.485)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.044.995.875	17.346.116.360
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	22.833.025.727	4.044.995.875

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Trung Kiên